

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỮU LŨNG  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 20 - 5 - 2024  
V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Thương.

2. Ông Vy Văn Lâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đạt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị S, sinh năm 1987; cư trú tại: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1998; hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Lương Văn T, sinh năm 1982; cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Đỗ Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị S và anh Lương Văn T trước khi kết hôn có được tìm hiểu yêu thương và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2006, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống hoà thuận, đến năm 2013 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và tính cách. Đến nay, chị S xác định không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc, chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 con chung là Lương Văn T1, sinh ngày 08/8/2003, hiện nay con đã trưởng thành chị Đỗ Thị S không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Lương Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn T và chị Đỗ Thị S trước khi kết hôn có được tìm hiểu yêu thương và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2006. Sau khi kết hôn, anh T và chị S chung sống hoà thuận, đến năm 2013 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và tính cách khiến tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị Đỗ Thị S xin được ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh và chị Đỗ Thị S có 01 con chung là Lương Văn T1, sinh ngày 08/8/2003, hiện nay con đã trưởng thành chị Đỗ Thị S không yêu cầu giải quyết, anh đồng ý.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Đỗ Thị S và anh Lương Văn T vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị S, anh T đều khẳng định giữ nguyên các lời khai đã trình bày, không thay đổi, bổ sung thêm yêu cầu gì.

Quá trình nộp hồ sơ tại Tòa án, chị Đỗ Thị S đã ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T đại diện cho chị thực hiện việc nộp hồ sơ khởi kiện, nộp tiền tạm ứng án phí, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật; việc thu thập tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn chưa chấp hành toàn bộ các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, còn vắng mặt tại

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Đỗ Thị S về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 01 con chung là Lương Văn T1, sinh ngày 08/8/2003, hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết,

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ chị Đỗ Thị S và anh Lương Văn T, chị S, anh T vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị S và anh T đã có ý kiến trong hồ sơ, việc vắng mặt của chị S, anh T không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Đỗ Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn. Bị đơn anh Lương Văn T có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2006, chị Đỗ Thị S và anh Lương Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, từ năm 2013 chị Sen, anh Thụy do bất đồng quan điểm sống đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng giữa chị S, anh T không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị S được ly hôn với anh T là có căn cứ. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị S, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Đỗ Thị S và anh Lương Văn T có 01 con chung là Lương Văn T1, sinh ngày 08/8/2003, hiện nay con đã

trưởng thành, đủ 18 tuổi nên chị Đỗ Thị S và anh Lương Văn T không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Đỗ Thị S phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị S và anh Lương Văn T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Đỗ Thị S - Xử cho nguyên đơn chị Đỗ Thị S được ly hôn với bị đơn anh Lương Văn T.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Lương Văn T1, sinh ngày 08/8/2003, hiện nay con đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Sen đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004626, ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Tuyết**